

HÀNH VI XIN PHÉP TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỰ

ASKING FOR PERMISSION IN ENGLISH AND VIETNAMESE - UNDER THE POLITENESS VIEWPOINT

NGUYỄN THỊ MAI HOA

(ThS-NCS; Đại học Khoa học, Đại học Huế)

Abstract: The research is based on survey figures to clarify the similarities and differences in using this speech act in both languages, English and Vietnamese. That is the foundation for teaching - learning English for Vietnamese and teaching - learning Vietnamese for speakers of English.

Key words: politeness; face; English; Vietnamese.

1. Đặt vấn đề

Hành vi xin phép trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, vì vậy, có liên quan chặt chẽ đến lịch sự và thể diện. Theo Đỗ Hữu Châu [4, 280] “phép lịch sự là hệ thống những phương thức mà người nói đưa vào hoạt động nhằm điều hòa và gia tăng giá trị của đối tác của mình”. Nguyễn Đức Dân [2, 76] khẳng định “lịch sự là tôn trọng nhau. Nó là một biện pháp để giảm bớt trở ngại trong tương tác giao tiếp giữa các cá nhân”.

Thể diện là hình ảnh của TA trước công chúng. Cho đến nay, xung quanh khái niệm lịch sự còn có những cách nhìn khác nhau. Chẳng hạn, theo George Yule [9], lịch sự trong một cuộc tương tác hội thoại là phương tiện để khẳng định sự nhận thức “thể diện” của người tham gia giao tiếp và cũng là một nghi thức xã giao ẩn chứa bên trong một nền văn hóa. Brown, P. & Levinson, S. [7] đã đưa ra những nguyên tắc trong giao tiếp để đảm bảo tính lịch sự và thể diện. Trong đó đáng chú ý là, tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa lịch sự và thể diện.

Nhìn vào mối quan hệ giữa lịch sự và hành vi xin phép trong tiếng Anh và tiếng Việt, có thể thấy: Tính lịch sự trong hội thoại xin phép và hỏi đáp càng gia tăng khi người nói dành càng nhiều thiết hại về phía mình và cho người nghe (người cho phép/người tiếp nhận càng nhiều lợi ích như nâng cao thể diện cho người tiếp nhận. Ngược lại, tính lịch sự sẽ giảm, mức độ thành công của hội thoại càng bị đe dọa khi người nói dành càng nhiều lợi ích về phía mình như tôn vinh thể diện của bản thân và

đây thiết hại về phía người nghe như đe dọa thể diện của người đối diện.

2. Khảo sát cụ thể

2.1. Trong tiếng Anh

Hầu hết những hành vi xin phép trong tiếng Anh được thể hiện theo hình thức gián tiếp. Điều này làm cho người nghe cảm thấy thể diện của họ được tôn vinh và họ dễ dàng chấp nhận các hành vi xin phép của người nói. Ví dụ, các biểu thức thường dùng là các câu nghi vấn bắt đầu với cách sử dụng các động từ tình thái như, *May, Might, Can, Could, Do you mind...? Would you mind...? Would you let me...?*

(1) *Can I phone you if I want to speak to someone?* [10, 20]

(2) *Can I take you in my car?* [10, 83]

“Nothing”, said Karen, “I’ve got my car here”

(3) *A: Would you mind if I smoke here?*

B: Yes, please. [10, 64]

(4) *A: Would you let me have a cup of tea?*

B: Of course. [11, 5]

(5) *Frank: Do you mind if I open the window?
It’s a bit warm.*

Cora: No, not at all. Go ahead. [13, 63]

Động từ tình thái *May* đứng đầu câu tạo thành một phát ngôn xin phép ở dạng thức nghi vấn:

(6) *May I go out?* [HT]

Từ *please* cũng được sử dụng để thể hiện tính lịch sự rất cao của người Anh:

(7) *A: Can I please speak to you? It’s important.*

B: Never mind. [11, 36]

(8) *A: May I speak to you a moment, please?*

B: Speak to me? Oh, yes. [11, 10]

2.2. Trong tiếng Việt

1) Sử dụng thành phần mở rộng, gồm:

- Thành phần mở rộng là yếu tố hô gọi: Yếu tố hô gọi xuất hiện trong các phát ngôn xin phép thường đứng đầu các phát ngôn xin phép, làm tăng sự chú ý của người nghe vào các phát ngôn xin phép; thể hiện tình cảm thân mật, gần gũi giữa những người tham gia giao tiếp, ít nhiều góp phần vào làm giảm sự đe dọa thể diện đối với người nghe. Ví dụ:

(9) *Chị ơi, chị hãy cho phép em được hôn chị. Đang em.* [84, 87]

(10) *Thưa thầy, hay là thầy cho chúng con đi tìm xung quanh lớp xem ạ.*

Cho là ý kiến hay, ông gật đầu. [4,332]

Nhờ vào các yếu tố hô gọi như trong hai ví dụ trên, có thể biết được mối quan hệ xã hội của những người tham gia giao tiếp: Ở ví dụ (9), quan hệ giữa người nói và người nghe là chị - em. Nhưng thực chất đây là tình cảm trai gái của hai người bạn đó quen biết nhau từ rất lâu; Ở ví dụ (10), quan hệ giữa các vai giao tiếp là quan hệ thầy - trò.

- Thành phần mở rộng là các từ xưng hô: Từ xưng hô trong tiếng Việt rất phong phú và đa dạng. Do vậy, nếu những người tham gia giao tiếp sử dụng đúng các từ xưng hô thì tính lịch sự càng rõ. Ví dụ:

(11) A: *Thưa thầy, thầy cho phép bạn Lan nghỉ học sáng mai ạ.*

B: *Có chuyện gì xảy ra với Lan à?*

(12) A: *Quan lớn cho phép con được lui vào nhà trong ạ.* [1, 154]

B: *Vào đi chú, đừng ăn vạ ở đấy mới à?*

Củ thể thấy, người Việt Nam thường sử dụng các phương thức trực tiếp để hình thành các phát ngôn về hành vi xin phép. Các phương thức này rất lịch sự và giữ được thể diện cho cả người nghe và người nói bởi nhờ các thành phần ngôn từ mở rộng, xưng hô (như nêu ở trên). Ví dụ:

(13) *Bẩm quan lớn, cho phép con thư thư vài ngày nữa con xin mang về.* [4, 298]

(14) *Báo cáo thủ trưởng, xin phép thủ trưởng cho anh em nghỉ giải lao một lát.* [8, 495]

(15) *Thưa thầy! Một lần nữa nữa, con cúi đầu xin thầy cho con được đưa nhà con về làm dấu thầy.* [1, 52]

2) Sử dụng các tiêu từ tình thái: là một trong những chiến lược được người Việt sử dụng trong các phát ngôn xin phép để thể hiện tính lịch sự. Ví dụ:

(18) *Cụ cho phép con hỏi nhà con một câu thôi.* [1, 123]

(19) *Thôi, chào cụ, chúng tôi xin sang bên kia một lát.*

(20) *Bu ở nhà, con đi đàng này một tí nhé.* [1, 316]

(21) *Cậu cho em đi nhộ.*

Đức thần thờ khụng núi gờ. [1, 208]

(22) *Tối nay, mẹ cho con qua nhà bạn Nam học nhóm được không ạ.*

Con nhớ đừng về muộn quá, trời tối nguy hiểm đấy. [HT]

3. Kết luận

Phép lịch sự với thể diện trong bất cứ hành vi ngôn ngữ nào và ở bất cứ hoàn cảnh giao tiếp nào cũng đóng vai trò quan trọng và thiết yếu quyết định sự thành công của một cuộc giao tiếp. Hành vi ngôn ngữ xin phép trong tiếng Anh và Việt cũng không ngoại lệ,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nam Cao (1996), *Truyện ngắn chọn lọc*. NXB Hội nhà văn.
2. Đỗ Hữu Châu (2010), *Đại cương Ngôn ngữ học tập II*. NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Tập 1. NXB Giáo dục.
4. Nguyễn Công Hoan (1996), *Truyện ngắn tập I*. NXB Văn học.
5. Hoàng Phê (chủ biên; 1998), *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
6. Đào Nguyên Phúc (2007), *Lịch sử trong đoạn thoại xin phép của tiếng Việt*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
7. Phùng Quán (2011), *Tuổi thơ dữ dội*. NXB văn học.
8. *Truyện ngắn Việt Nam 1945 - 1985* (1985). NXB Văn học.

Tiếng Anh

9. Brown, P. & Levinson, S., (1987), *Politeness - Some Universal of Language Usage*. Cambridge University Press.
10. Jennifer Basset (2000), *The Death of Karen Silkwood*. Oxford University Press.
11. James (1992), *The children of Men*. Penguin Books.
12. Hornes, J (1995), *Men, Women and Politeness*. London: Longman.
13. Liz & John Soars (2002), *New Headway - Intermediate (book and workbook)*. Oxford University Press.